

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 06/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC - QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Nguyễn Ngọc Nhân;

4/ Phan Văn Đoàn.

Thư ký phiên tòa: 2/ Trần Công Tuấn Anh, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 tham gia phiên tòa: 3/ Phạm Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Th; sinh ngày 08/4/1977; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Xóm 4, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lái xe; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Trịnh Thị M, sinh năm 1938; có vợ là Vũ Thị N, sinh năm 1978 và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 đến 09 giờ 00 phút ngày 18/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh đến ngày 13/11/2020; ngày 14/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Phạm Tùng Đ; sinh ngày 19/8/1992; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; có vợ là Bùi Thị L, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2020 đến nay; có mặt.

3. Đào Văn Ng; sinh ngày 02/7/1973; giới tính: Nam; nơi sinh: Xã T, huyện V, tỉnh N; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Đức C, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Đỗ Thị Q, sinh năm 1934; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 đến 15 giờ 20 phút ngày 01/9/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh đến ngày 13/11/2020; ngày 14/11/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: **Phạm Như L;** sinh ngày 12/12/1976; nơi sinh: Phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; cấp bậc: 1// QNCN; chức vụ: Dược sỹ; đơn vị: Khoa D, Bệnh viện Q 91, Cục H, Quân khu 1. Bị tai nạn giao thông ngày 03/6/2020, tỷ lệ tổn thương cơ thể 93%; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của người bị hại Phạm Như Long: **Vũ Thị Kim D;** sinh ngày 19/12/1979; nghề nghiệp: Kế toán Chi nhánh Thương mại P, Công ty Cổ phần phát triển thương mại T; nơi cư trú: Phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên (là vợ người bị hại Phạm Như L); có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bảo hiểm xã hội Bộ Q; địa chỉ: Số 34C đường T, Quận B, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Cao Xuân T; cấp bậc: 4//; chức vụ: Quyền G; vắng mặt.

2. Vũ Thị N; sinh ngày 03/4/1978; nghề nghiệp: Công nhân; nơi cư trú: Xóm 4, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người làm chứng:

1. Tạ Văn T1: Có mặt.
2. Lương Văn T2: Có mặt.
3. Nguyễn Thị Thanh H1: Có mặt.
4. Nguyễn Thị B: Có mặt.
5. Nguyễn Quang T3: Vắng mặt.
6. Quách Xuân Í: Vắng mặt.
7. Phạm Văn H2: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 03/6/2020 Nguyễn Văn Th, Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng, Tạ Văn T1, Nguyễn Thị Thanh H1 cùng ăn trưa, uống rượu tại thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Đến khoảng 13 giờ cả nhóm rủ nhau đi hát karaoke, lúc này Nguyễn Văn Th có giấy phép lái xe hạng D đưa chìa khóa xe ô tô BKS 20B-014.65 của Th cho Phạm Tùng Đ để lùi xe ra ngoài trước còn Th nói chuyện với Tạ Văn T1 ra sau, Đ ra xe mở cửa hành khách cho Ng, H1 lên rồi lùi xe ra ngoài khoảng 03 đến 04 m thì dừng lại, Th lên lái xe, Đ ngồi sang ghế phụ, Ng, H1 ngồi dãy ghế phía sau, Th điều khiển xe ô tô đi vào Quốc lộ 3 theo hướng T - Hà Nội. Khoảng 13 giờ 25 phút cùng ngày, khi đi đến Km 43+480 ngã tư giao nhau giữa Quốc lộ 3 và đường tỉnh lộ 261 thuộc địa phận Tổ dân phố số 02, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Do không giảm tốc độ khi đến nơi có biển báo hiệu cảnh báo nguy hiểm trong khu vực đông dân cư, không dừng xe khi tín hiệu đèn giao thông màu đỏ nên khi gặp xe mô tô BKS 20L5-3002 do Phạm Như L điều khiển đang đi đúng quy định trong ngã tư theo hướng P - Đ, Th phanh xe ô tô nhưng không kịp dẫn đến phần đầu bên trái xe ô tô đã đâm vào bên phải xe mô tô làm L và xe mô tô ngã đổ xuống đường. Tai nạn xảy ra Phạm Như L được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Q 91 - Cục H - Quân khu 1, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Viện Y học cổ truyền Quân đội từ ngày 03/6/2020 đến ngày 06/11/2020 thì ra viện điều trị tại gia đình, tổng chi phí điều trị tại các bệnh viện hết 186.615.114 đồng, trong đó Quỹ bảo hiểm y tế Bộ Q thanh toán 176.394.485 đồng, người bị hại thanh toán 10.220.629 đồng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 93%; xe mô tô hư hỏng sửa chữa hết 730.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Th và gia đình đã thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho người bị hại với tổng số tiền 308.000.000 đồng.

Sau khi tai nạn xảy ra, Phạm Tùng Đ nói với Nguyễn Văn Th để Đ nhận là người lái xe ô tô gây tai nạn, rồi Đ, Ng, H1 xuống xe đưa Phạm Như L đi cấp cứu, còn Th rời khỏi hiện trường. Đến khoảng 17 giờ Th và Đ gặp nhau, Th nói với Đ khai nhận là người lái xe gây ra tai nạn thay cho Th và hứa sẽ lo việc bồi thường cho người bị hại, Đ đồng ý. Sau đó Phạm Tùng Đ đến Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên khai nhận mình là người lái xe ô tô BKS 20B-014.65 gây ra tai nạn. Sau khi Đ trình báo với cơ quan công an, Th gọi điện nói với T1 và Đào Văn Ng nếu có người hỏi thì khai Đ là người lái xe gây tai nạn, Th và Đ cùng nhau thống nhất nội dung cụ thể sẽ khai báo với cơ quan điều tra. Ngày 01/7/2020 khi Cơ quan điều tra lấy lời khai về vụ tai nạn, Đ đã khai báo theo nội dung đã thống nhất với Th, để tiện cho việc khai báo với Cơ quan điều tra sau này Th đã ghi lại nội dung Đ khai báo vào giấy. Ngày 08/7/2020 khi làm việc với Cơ quan điều tra Nguyễn Văn Th khai báo sai sự thật về vụ tai nạn theo nội dung đã thống nhất với Đ, đồng thời Th gặp và đọc cho Ng nghe nội dung Đ đã khai báo được Th ghi lại vào giấy từ trước và nói với Ng khi làm việc với Cơ quan điều tra cùng khai báo thống nhất với lời khai của Th, Đ đã khai. Ngày 21/7/2020 mặc dù là người trực tiếp chứng kiến việc Nguyễn Văn Th điều khiển xe ô tô BKS 20B-014.65 gây ra tai nạn cho người bị hại Phạm Như L nhưng Đào Văn Ng đã khai báo và khẳng định với Cơ quan điều tra Phạm Tùng Đ là người trực tiếp lái xe ô tô gây ra tai nạn. Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Văn

Th, Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng và một số chứng cứ khác, ngày 24/7/2020 Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 đã ra Quyết định khởi tố vụ án đồng thời ra Quyết định khởi tố bị can số 31/QĐ-KTBC đối với Phạm Tùng Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Ngày 12/8/2020 Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 đã ra Quyết định khởi tố bị can số 35/QĐ-KTBC đối với Nguyễn Văn Th về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 260 BLHS đồng thời ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 36/QĐ-TĐBC đối với Phạm Tùng Đ về tội “Khai báo gian dối” quy định tại khoản 2 Điều 382 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn Ng khai: Buổi trưa ngày 03/6/2020 bị cáo cùng T1, Th, Đ, H1 ăn cơm, uống rượu, đến khoảng 13 giờ thì rủ nhau đi uống nước. Bị cáo, H1 đi xe ô tô của Th, khi lên xe thấy Đ ngồi ở ghế lái rồi Th lên bảo Đ ngồi sang ghế phụ, Th lái xe ra đường Quốc lộ 3 hướng Thái Nguyên - Hà Nội, khi đến ngã tư phường B, thị xã P thì xe phanh đột ngột làm bị cáo ngã về phía trước, mọi người xuống xe đưa người bị thương đi cấp cứu. Đến buổi chiều T1 gọi điện thoại cho bị cáo nói Th nhờ nếu có ai hỏi thì nói Đ là người lái xe. Khoảng vài ngày sau, Th gọi điện thoại và gặp bị cáo tại nhà T1, Th đọc nội dung Đ khai nhận là người lái xe được chép lại vào giấy và nhờ bị cáo nếu có ai hỏi thì khai như nội dung trong giấy nên bị cáo đồng ý, còn T1 không nói gì, các lần sau bị cáo và Th có gọi điện thoại trao đổi với nhau về nội dung trên. Trước khi làm việc với Cơ quan điều tra bị cáo gọi cho Đ nhưng Đ không nghe máy, bị cáo nhắn tin cho Đ sau đó gọi lại thì Đ nghe máy, bị cáo hỏi Đ về nội dung Đ khai nhận là người lái xe, thì Đ trả lời vẫn khai mình là người lái xe thay Th. Do bản thân bị cáo suy nghĩ đơn giản và do nể nang khi Th nhờ nên bị cáo đã khai báo với Cơ quan điều tra Đ là người lái xe trong khi sự thật Th mới là người lái xe gây ra tai nạn.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Tùng Đ khai: Trưa ngày 03/6/2020 bị cáo cùng chú T1, Th, Ng, H1 ăn trưa và uống rượu tại P, khoảng 13 giờ thì rủ nhau đi hát, Th đưa chìa khóa xe ô tô của Th cho bị cáo để lùi xe ra ngoài trước, bị cáo lên xe nổ máy mở cửa phụ để Ng, H1 lên xe rồi lùi ra khoảng 03 đến 04 mét thì dừng lại, sau đó Th lên xe và bảo bị cáo ngồi sang ghế phụ để Th lái xe, còn Ng, H1 ngồi phía sau. Th lái xe ra đường Quốc lộ 3 theo hướng Thái Nguyên - Hà Nội, khi cách ngã tư phường B khoảng 02 đến 03 mét bị cáo nhìn thấy đèn đỏ nên nói “Đèn đỏ kìa” nhưng Th vẫn tiếp tục cho xe đi vào trong ngã tư, lúc này bị cáo nhìn thấy anh L đi xe mô tô đang đi trong ngã tư theo hướng P - Đ, bị cáo nói “Có người kìa” thì Th phanh xe nhưng không kịp, xe ô tô đâm trúng vào xe mô tô làm cả người và xe ngã xuống đường, bị cáo nói với Th để bị cáo nhận là người lái xe nhưng Th không nói gì mà cho xe lùi lại khoảng 02 đến 03 mét rồi dừng lại. Bị cáo cùng Ng, H1 xuống xe trước từ cửa phụ cùng người dân đưa anh L đi cấp cứu. Đến khoảng 18 giờ, bị cáo gặp Th ở cổng Công an thị xã P, Th nói với bị cáo là công an có video hình ảnh và có người nhìn thấy bị cáo lên xuống cửa ghế lái của xe ô tô nên bảo bị cáo vào công an khai nhận là người lái xe gây ra tai nạn thay Th. Sau khi khai báo xong, bị cáo gọi điện nói cho chú T1

biết xe của Th bị tai nạn nhưng không nói ai lái xe. Do nghĩ người bị hại chỉ bị thương và Th hứa mọi chi phí chữa trị cho anh L sẽ do Th lo nên bị cáo đã khai với cơ quan điều tra mình là người lái xe gây tai nạn theo nội dung đã thống nhất với Th từ trước. Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo đã cùng gia đình Th thăm hỏi, chăm sóc anh L khi điều trị tại các bệnh viện và hỗ trợ 2.000.000 đồng cho Th để bồi thường cho anh L, ngoài ra gia đình Th còn nhờ bị cáo đưa cho gia đình anh L số tiền khoảng 22.000.000 đồng. Bị cáo không yêu cầu phải hoàn trả số tiền đã bỏ ra để hỗ trợ cho Th.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Th khai: Khoảng hơn 09 giờ ngày 03/6/2020, T1 gọi điện thoại mời ra thị xã P ăn cơm, bị cáo lái xe ô tô BKS 20B-014.65 đi ra quán thịt dê T thì thấy T1, Đ, Ng đang ngồi ở phòng ăn, sau đó H1 đến, mọi người cùng nhau ăn thịt dê, uống rượu đến khoảng 13 giờ thì rủ nhau đi hát, bị cáo đưa chìa khóa xe ô tô bảo Đ lùi xe ra ngoài trước, còn bị cáo nói chuyện với T1 ra sau. Bị cáo lên xe lái xe, Đ chuyển sang ghế phụ cạnh ghế lái ngồi, còn Ng, H1 ngồi phía sau. Bị cáo lái xe ra đường Quốc lộ 3 theo hướng Thái Nguyên - Hà Nội, khi đến ngã tư phường B, thị xã P, bị cáo thấy có người nói “Đèn đỏ kìa” nhưng bị cáo vẫn cho xe đi vào trong ngã tư, Đ nói “Có người kìa” bị cáo nhìn thấy L đi xe mô tô trong ngã tư theo hướng P - Đ, bị cáo phanh xe nhưng không kịp, đầu xe ô tô bên trái đâm vào bên phải xe mô tô làm cả người và xe ngã xuống đường, Đ nói để Đ nhận là người lái xe. Bị cáo lùi xe lại khoảng 02 đến 03 mét rồi dừng lại mở cửa phụ để Đ, N, H1 xuống xe, còn bị cáo chuyển sang dãy ghế sau ghế phụ ngồi, khi có anh T3 lên thì bị cáo xuống xe rồi đi khỏi hiện trường. Khoảng 18 giờ bị cáo và Đ gặp nhau ở cổng Công an thị xã P, bị cáo nói có người gọi điện nói có video hình ảnh và có người nhìn thấy Đ lên xuống cửa ghế lái của xe ô tô nên nhờ Đ nhận là người lái xe gây ra tai nạn, còn tiền bồi thường cho người bị hại sẽ do bị cáo lo. Sau khi thống nhất nội dung khai báo Đ sẽ nhận là người lái xe gây tai nạn thì Đ vào trình diện với cơ quan công an. Để tiện cho việc khai báo sau này, bị cáo lấy giấy ghi lại nội dung Đ đã khai báo rồi gọi điện cho T1 và Ng nhờ nếu có ai hỏi thì nói Đ là người lái xe gây ra tai nạn, Ng đồng ý, còn T1 không nói gì. Các lần sau bị cáo gọi điện và gặp Đ, Ng một vài lần để thống nhất nội dung khai báo với cơ quan công an trong các buổi làm việc tiếp theo. Sau khi tai nạn xảy ra bị cáo cùng gia đình đã thăm hỏi, động viên anh L khi điều trị tại các bệnh viện và tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình anh L tổng số tiền là 308.000.000 đồng, ngoài ra bị cáo còn hỗ trợ Đ số tiền 15.000.000 đồng khi nhờ Đ chăm sóc anh L tại các bệnh viện.

Đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Như L khai: Ngày 03/6/2020 sau khi xảy ra tai nạn, chồng tôi là Phạm Như L được đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện Q 91, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Viện Y học cổ truyền Quân đội đến ngày 06/11/2020 thì ra viện điều trị tại gia đình. Trong khi điều trị tại bệnh viện gia đình Th, Đ có đến thăm hỏi, động viên, chăm sóc cho chồng tôi. Đến nay vợ Th là Vũ Thị N đã đến xin lỗi, thỏa thuận bồi thường cho gia đình tôi tổng số tiền 308.000.000 đồng. Gia đình tôi đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu Th phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào khác, còn tai nạn giao thông xảy ra như thế nào tôi không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vũ Thị N khai: Khoảng 20 giờ ngày 03/6/2020 chồng tôi là Nguyễn Văn Th có gọi điện nói về vụ tai nạn. Sau đó tôi, Th, T2 vào viện Q 91 thăm hỏi và đưa cho gia đình anh L số tiền 10.000.000 đồng. Khi về nhà chồng tôi có nói là người lái xe gây ra tai nạn nhưng Đ đứng ra nhận thay, còn cụ thể như thế nào tôi không biết. Sau này tôi đã đến xin lỗi và thỏa thuận bồi thường cho gia đình anh L số tiền 308.000.000 đồng, trong đó có 2.000.000 đồng Đ hỗ trợ gia đình tôi. Tôi không yêu cầu chồng tôi phải bồi hoàn cho tôi số tiền trên.

Người làm chứng Tạ Văn T1 khai: Trưa ngày 03/6/2020 sau khi ăn cơm uống rượu cùng Th, Ng, Đ, H1 xong thì mọi người rủ nhau đi hát karaoke, Th, Đ, Ng, H1 đi xe ô tô của Th, còn tôi đi xe ô tô của tôi đi sau. Đến khoảng hơn 13 giờ Đ có gọi điện nói xe của Th bị tai nạn. Khoảng 01 đến 02 ngày sau Th gọi điện nói nếu có ai hỏi thì nói Đ là người lái xe gây ra tai nạn và nhờ tôi nói với Ng nhưng tôi nói do không ở đó nên không biết. Sau khi Th nhờ tôi gọi điện nói cho Ng biết việc Th nhờ. Sau đó Th, Ng có đến nhà tôi, Th lấy trong người một tờ giấy ghi nội dung Đ khai nhận mình là người lái xe gây ra tai nạn đọc cho tôi và Ng nghe và nói khi có ai hỏi thì khai như nội dung Th vừa đọc nhưng tôi không đồng ý, còn cụ thể vụ tai nạn xảy ra như thế nào tôi không được chứng kiến.

Người làm chứng Nguyễn Thị Thanh H1 khai: Trưa ngày 03/6/2020 sau khi ăn cơm, uống rượu cùng mọi người xong tôi, Ng, Đ lên xe ô tô của Th để đi hát, tôi ngồi hàng ghế phía sau ghế lái, Ng ngồi hàng ghế phía sau ghế phụ, anh Th và Đ ngồi phía trên đầu xe, còn ai lái xe tôi không để ý. Khi đi đến ngã tư B, tôi quan sát thấy đèn giao thông màu đỏ nên nói “Anh ơi đến đèn đỏ rồi” nhưng vẫn thấy xe ô tô đi tiếp, khi đi vào trong ngã tư thì xảy ra tai nạn với xe máy. Sau đó tôi về nhà còn sự việc tiếp theo như thế nào tôi không biết.

Người làm chứng Lương Văn T2 khai: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 03/6/2020 tôi, Th, Đ cùng ăn cơm tại phòng trọ của tôi, trong khi ăn cơm tôi thấy Th và Đ nói chuyện về vụ tai nạn nhưng tôi không nghe thấy nói ai là người lái xe. Sau khi ăn cơm xong tôi cùng Th, Đ, Ng vào Bệnh viện Q 91 thăm hỏi người bị nạn.

Người làm chứng Nguyễn Thị B khai: Vào gần buổi trưa nhưng tôi không nhớ ngày nào, Th và Ng có đến gặp chồng tôi là Tạ Văn T1 tại tầng 2 nhà tôi nhưng tôi không biết họ nói chuyện gì với nhau và cũng không biết vụ tai nạn giao thông xảy ra như thế nào.

Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản ảnh và Sơ đồ hiện trường do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 03/6/2020 thể hiện: Đoạn đường xảy ra tai nạn tại Km 43+480 đường Quốc lộ 3 thuộc Tổ dân phố số 2, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện trường là nơi giao nhau giữa đường Quốc lộ 3 cũ với đường tỉnh lộ 261, đường được trải nhựa bằng phẳng rộng 13,5m, tại nơi giao nhau có nổi mở rộng nhất 14,5m. Chọn hướng Thái Nguyên - Hà Nội làm hướng khám nghiệm, mép đường bên phải hướng Thái Nguyên đi Hà Nội làm mép đường chuẩn, cột mốc H5/43 bên mép đường trái hướng khám nghiệm là điểm mốc khám nghiệm ghi

nhận: Xe ô tô BKS 20B-014.65 đầu xe quay hướng Hà Nội, đo vuông góc từ tâm trục bánh trước và bánh sau bên phải xe vào mép đường chuẩn được lần lượt 1,6m và 1,2 m, đo vuông góc từ điểm mốc đến tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô được 27,6m, đo vuông góc từ tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô đến tâm trục bánh trước xe mô tô BKS 20L5-3002 được 3,1m. Xe mô tô BKS 20L5-3002 đầu xe quay hướng đi Đ, đo vuông góc từ tâm trục bánh trước và bánh sau xe mô tô vào mép đường chuẩn được lần lượt 1,9m và 3,2m. Vết phanh trượt lớp cao su trên mặt đường KT 5,7m x 0,15m có hướng Thái Nguyên - Hà Nội, đo vuông góc từ tâm điểm đầu và điểm cuối vết phanh vào mép đường chuẩn được lần lượt 1,8m và 1,9m; vết cà trượt mặt đường KT 1,93m x 0,01m có hướng Hà Nội - Thái Nguyên, đo vuông góc từ điểm đầu và điểm cuối của vết vào mép đường chuẩn được lần lượt 3,2m và 3,4m, điểm đầu vết trùng với vị trí tâm trục bánh sau xe mô tô BKS 20B-014.65, gương chiếu hậu xe mô tô trên mặt đường đo vuông góc từ gương vào mép đường chuẩn được 2,8m; mũ bảo hiểm màu xám có chữ ANDES loại có cằm trên mặt đường, đo vuông góc từ mũ vào mép đường chuẩn được 2,3m; đo vuông góc từ điểm mốc khám nghiệm đến điểm tâm trục bánh trước bên phải xe ô tô BKS 20B-014.65 đến tâm trục bánh trước xe mô tô BKS 20L5-3002 được 3,1m, đo vuông góc từ điểm cuối vết phanh trượt lớp cao su KT 5,7m x 0,15m đến tâm trục bánh sau xe mô tô được 1,26m. Đo vuông góc từ điểm cuối vết phanh trượt lớp cao su KT 0,8m x 0,15m đến tâm trục bánh trước xe mô tô BKS 20L5-3002 được 0,24m; đo vuông góc lần lượt từ gương chiếu hậu của xe mô tô và mũ bảo hiểm màu xám có chữ ANDES đến tâm trục bánh trước xe mô tô được 1,64m và 3,17m.

Biên bản khám nghiệm phương tiện đối với xe ô tô BKS 20B-014.65 thể hiện: Đầu xe phía trước có vết mài trượt mất sơn và bám dính vật chất màu đen KT 10cm x 6,5cm, tâm vết cách mặt đất và cách mép trái xe lần lượt là 1,03m và 0,5m. Cụm đèn pha phía trước bị bung bật khớp nối đẩy lùi vào trong, lệch so với vị trí ban đầu 4cm. Ba đèn sóc bên trái phía trước bị ngoại lực tác động lồm vào trong 4cm có KT 50x27cm, tâm lồm cách mặt đất và mép trái xe lần lượt là 56cm và 35cm. Thu mẫu sơn màu tím hồng ở đầu xe phía trước bên trái và 01 camera giám sát hành trình ở phía bên trong kính chắn gió phía trước, bên trong có gắn một thẻ nhớ Necta 32GB.

Biên bản khám nghiệm phương tiện đối với xe mô tô BKS 20L5-3002 thể hiện: Đầu ngoài cùng tay phanh bên phải có bám dính vật chất màu hồng tím, tâm vùng cao cách mặt đất 102cm. Đầu mặt ngoài chắn bùn phía trước góc phải có bám dính vật chất màu hồng tím KT 2cm x 2,5cm, tâm vùng cao cách mặt đất 56cm. Rách cánh yếm bên phải dài 20cm, tâm vết rách cách mặt đất 35cm. Ốp ống xả bị ngoại lực tác động làm móp méo vào trong 2,5cm. Trên xe mô tô ghi nhận nhiều vùng trượt xước nhựa, kim loại. Thu vật chất màu tím hồng bám dính ở đầu tay phanh bên phải xe mô tô; thu giữ 01 camera giám sát hành trình ở phía bên trong kính chắn gió.

Bệnh án ngoại khoa của Bệnh viện Q 91, Cục H, Quận 1 xác định: Phạm Như L vào viện 13 giờ 45 phút ngày 03/6/2020 khám lúc vào viện hôn mê

G6-7 điểm, đồng tử mắt phải giãn to, tại chỗ vùng đỉnh chẩm có 01 đám sưng nề bầm tím kích thước 5cm x 5cm, chẩn đoán chấn thương sọ não, xuất huyết dưới màng cứng bán cầu phải.

Bệnh án số BH - 34487 của Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 thể hiện: Phạm Như L được Bệnh viện Q 91 chuyển đến cấp cứu điều trị ngày 03/6/2020 đến ngày 25/6/2020 chuyển đến Viện Y học cổ truyền Quân đội điều trị, chẩn đoán lúc ra viện chấn thương sọ não, máu tụ ngoài màng cứng thái dương bên phải, máu tụ dưới màng cứng, dập não trán thái dương bên trái do tai nạn giao thông đã phẫu thuật mở sọ hai bên giải ép.

Bản tóm tắt Bệnh án của Viện Y học cổ truyền Quân đội thể hiện: Phạm Như L vào viện ngày 25/6/2020 đến ngày 24/7/2020 chuyển về Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 để tiếp tục điều trị, tình trạng thể trạng suy mòn, suy kiệt, liệt tứ chi độ IV-V, đại tiểu tiện không tự chủ, vùng khuyết sọ trán thái dương đỉnh trái có ít dịch tiết.

Bệnh án y học cổ truyền của Bệnh viện Q 91, Cục H, Quân khu 1 xác định: Phạm Như L vào viện 09 giờ 00 phút ngày 16/10/2020, ra viện về điều trị tại gia đình hồi 15 giờ 00 phút ngày 06/11/2020, tình trạng lúc ra viện còn liệt tứ chi, chưa nhận thức được môi trường xung quanh, mạch và huyết áp ổn định.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 356/TGT ngày 16/7/2020 của Trung tâm P, Sở y tế T kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Phạm Như Long là 93%.

Kết luận giám định số 329/C09-P6 ngày 07/10/2020 của Viện K, Bộ C xác định: Vận tốc xe ô tô 20B-014.65 tại thời điểm trước khi xảy ra tai nạn khoảng 38-41km/h.

Biên bản kiểm tra điện thoại của bị cáo Đào Văn Ng thể hiện: Tin nhắn gửi hồi 11 giờ 24 phút ngày 20/7/2020, có nội dung: “Được ơi, chú Ng bạn thầy T2 đây, nghe máy chú hồi tí” (Được ở đây là Đ). Tại báo cáo chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao do Viettel cung cấp xác định: Vào thời gian 11 giờ 40 phút ngày 20/7/2020, số thuê bao của bị cáo Ng là 0983.997.389 thực hiện cuộc gọi đến số thuê bao của bị cáo Đ là 0969.323.204 với thời lượng là 54 giây.

Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 12/8/2020 thể hiện: Thu giữ của Nguyễn Văn Th 01 điện thoại Iphone 6, kiểu máy MG5W2LL/A, số seri: DNQP9T8CG5MC, IMEI: 358371069449927 màu bạc, đã tắt nguồn.

Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 thể hiện: Thu giữ của Đào Văn Ng 01 điện thoại OPPO đã cũ, màu trắng, số IMEI 1: 866346031205875; số IMEI 2: 866346031205867; số seri: 6add2fe.

Biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông do Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 16 giờ 46 phút, ngày 03/6/2020 thể hiện: Thu giữ 01 xe ô tô BKS 20B-014.65.

Biên bản tạm giữ phương tiện, tang vật liên quan đến vụ tai nạn giao thông do Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên lập hồi 16 giờ 35 phút, ngày 03/6/2020 thể hiện: Thu giữ 01 xe mô tô BKS 20L5-3002.

Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 24/9/2020 thể hiện: Trả lại cho Nguyễn Văn Th 01 xe ô tô BKS 20B-014.65.

Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 25/9/2020 thể hiện: Trả lại cho Vũ Thị Kim D 01 xe mô tô BKS 20L5-3002.

Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu do Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 20/10/2020 thể hiện: Trả lại cho Nguyễn Văn Th 01 camera giám sát hành trình có gắn 01 thẻ nhớ Netac 32GB.

Công văn số 719/BHXXH-YT ngày 18/11/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q xác định: Yêu cầu người gây thương tích có trách nhiệm bồi hoàn chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà quỹ Bảo hiểm y tế đã thanh toán cho người bị hại là quân nhân Phạm Như L trong thời gian điều trị nội trú tại Bệnh viện Q 91, Cục H, Quân khu 1 từ ngày 30/7/2020 đến ngày 06/11/2020 số tiền: 35.364.674 đồng.

Công văn số 826/BHXXH-YT ngày 28/12/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q xác định: Yêu cầu người gây thương tích có trách nhiệm bồi hoàn chi phí khám bệnh, chữa bệnh mà quỹ Bảo hiểm y tế đã thanh toán cho người bị hại là quân nhân Phạm Như L trong thời gian điều trị nội trú tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 từ ngày 03/6/2020 đến ngày 25/6/2020 số tiền: 80.945.867 đồng. Thời gian điều trị tại Viện Y học cổ truyền Quân đội không phát sinh chi phí khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

Công văn số 838/BHXXH-YT ngày 30/12/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q xác định: Do điều kiện công tác Bảo hiểm xã hội Bộ Q không tham dự được phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Văn Th đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu người gây ra tai nạn phải bồi hoàn chi phí khám chữa bệnh mà quỹ Bảo hiểm y tế đã thanh toán cho quân nhân Phạm Như L theo nội dung Công văn số 719/BHXXH-YT ngày 18/11/2020 và Công văn số 826/BHXXH-YT ngày 28/12/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q với tổng số tiền là 116.310.541 đồng.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSQSKV12 ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, truy tố Nguyễn Văn Th về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự (BLHS); bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng về tội “Khai báo gian dối” theo điểm b khoản 2 Điều 382 BLHS.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo theo cáo trạng số 07/CT-VKSQSKV12 ngày 13/11/2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn Th các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Người phạm tội có mẹ đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì” “Được đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự” quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS;

Áp dụng đối với bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS;

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn Th có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội và có mẹ vợ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Đào Văn Ng có bố vợ và mẹ vợ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, hạng nhất nên đề nghị HĐXX xem xét khi lượng hình.

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 BLHS, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 36 BLHS đề nghị tuyên phạt các bị cáo: Phạm Tùng Đ từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng đối với bị cáo từ 15% đến 20% để sung quỹ nhà nước; Đào Văn Ng từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 12/8/2020 đến ngày 01/9/2020, cứ một ngày tạm giam bằng ba ngày cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng đối với bị cáo từ 10% đến 15% để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước một chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu trắng, số Seri: 6add2fe, số IMEI1: 866346031205875, số IMEI2: 866346031205867 của bị cáo Đào Văn Ng;

Đề nghị tiếp tục tạm giữ một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số Seri: DNQP9T8CG5MC, số IMEI: 358371069449927 của bị cáo Nguyễn Văn Th để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 585 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của các bên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự (BLDS) buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng tổng số tiền 116.310.541 đồng là chi phí khám chữa bệnh mà Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng đã thanh toán cho bị hại Phạm Như L.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn Th nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, đồng ý bồi hoàn theo yêu cầu của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Phạm Tùng Đ nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Đào Văn Ng nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp của người bị hại Phạm Như L: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị HĐXX miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vũ Thị N: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi hoàn số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại.

Công văn số 838/BHXX-YT ngày 30/12/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q yêu cầu người gây ra tai nạn phải bồi hoàn chi phí khám chữa bệnh mà quỹ Bảo hiểm y tế đã thanh toán cho quân nhân Phạm Như L theo Công văn số 719/BHXX-YT ngày 18/11/2020 và Công văn số 826/BHXX-YT ngày 28/12/2020 của Bảo hiểm xã hội Bộ Q với tổng số tiền là 116.310.541 đồng.

Nói lời sau cùng, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 13 giờ 25 phút ngày 03/6/2020, Nguyễn Văn Th có giấy phép lái xe hạng D điều khiển xe ô tô BKS 20B-014.65 trên xe có Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng, Nguyễn Thị Thanh H1 đi trên Quốc lộ 3 theo hướng T -Hà Nội. Khi đi đến Km 43+480 ngã tư giao nhau giữa Quốc lộ 3 và đường tỉnh lộ 261 thuộc địa phận tổ dân phố số 02, phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên do không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn khi đến nơi có biển báo hiệu cảnh báo nguy hiểm trong khu vực đông dân cư, không dừng xe khi tín hiệu đèn giao thông màu đỏ dẫn đến phần đầu bên trái xe ô tô do Th điều khiển đã đâm vào bên phải xe mô tô BKS 20L5-3002 do Phạm Như L điều khiển đang đi đúng phần đường theo hướng P - Đ làm Phạm Như L bị thương được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện Q 91, Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Viện Y học cổ truyền Quân đội đến ngày 06/11/2020 ra viện điều trị tại gia đình với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 93%, xe mô tô BKS 20L5-3002 bị hư hỏng sửa chữa hết 730.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn Th đã vi phạm quy định tại khoản 1, 3, 5 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải và khoản 1 Điều 9; điểm b khoản 3 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1 Điều 12 Luật Giao thông đường bộ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b khoản 1 Điều 260 BLHS;

Sau khi tai nạn xảy ra, Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng trực tiếp chứng kiến Nguyễn Văn Th là người điều khiển xe ô tô BKS 20B-014.65 gây ra tai nạn cho Phạm Như L. Tuy nhiên khi được cơ quan có thẩm quyền triệu tập lấy lời khai với tư cách là người làm chứng, mặc dù đã được giải thích đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do suy nghĩ đơn giản, nể nang nên Phạm Tùng Đ khai nhận là người lái xe gây tai nạn thay cho Nguyễn Văn Th không đúng nội dung vụ việc, Đào Văn Ng khai báo không trung thực những gì được chứng kiến là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 ra quyết định khởi tố bị can và Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 phê chuẩn quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Tùng Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” không đúng tội danh, làm việc giải quyết vụ án bị sai lệch, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tiến hành tố tụng, kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Vì vậy hành vi của bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng đủ yếu tố cấu thành tội “Khai báo gian dối” theo điểm b khoản 2 Điều 382 Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 12 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” nên cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS;

Bị cáo Nguyễn Văn Th và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong cho đại diện hợp pháp của bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa được đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự; bị cáo có mẹ đẻ là Trịnh Thị M được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS;

Bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài ra bị cáo Nguyễn Văn Th có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự trong Quân đội và có mẹ vợ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; bị cáo Đào Văn Nguyên có bố vợ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ vợ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây cũng là tình tiết để HĐXX xem xét khi lượng hình.

[4] Về trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến sức khỏe, tài sản của bị hại Phạm Như L và xâm phạm đến an toàn, hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ.

Hành vi của bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan tiến hành tố tụng, gây khó khăn và dẫn đến việc giải quyết vụ án bị sai lệch trong giai đoạn đầu của quá trình điều tra, các bị cáo là đồng phạm với vai trò đều là người thực hành. Trong đó bị cáo Phạm Tùng Đ trực tiếp nhận là người lái xe gây tai nạn, bàn bạc, thống nhất nội dung khai báo sai sự thật với bị cáo Th, Ng, trực tiếp khai báo sai sự thật khi làm việc với cơ quan điều tra nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo Ng; bị cáo Đào Văn Ng thống nhất với bị cáo Th, chủ động gọi điện cho bị cáo Đ, trực tiếp khai báo sai sự thật về vụ án khi làm việc với cơ quan điều tra nên chịu trách nhiệm sau bị cáo Đ.

Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn Th trước khi phạm tội có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã tích cực bồi thường xong về thiệt hại cho bị hại nên căn cứ vào Điều 65 BLHS và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng về án treo, xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách bằng 02 lần mức hình phạt tù cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo;

Bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng trước khi phạm tội có nhân thân tốt, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng; khi phạm tội nhận thức còn đơn giản. Do đó xét thấy cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo Ng bị tạm giam là 21 ngày (từ hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 đến 15 giờ 20 phút ngày 01/9/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ ($21 \times 3 = 63$ ngày). HĐXX xét thấy cần thiết khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng để sung quỹ nhà nước.

[5] Trong vụ án bị cáo Nguyễn Văn Th có hành vi cùng bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng khai báo gian dối. Tuy nhiên do bị cáo đã bị truy tố, xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nên không buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Khai báo gian dối”; bị cáo điều khiển xe ô tô BKS 20B-014.65 tham gia giao thông gây ra tai nạn khi đã sử dụng rượu nhưng trong quá trình điều tra không xác định được nồng độ cồn đối với bị cáo khi gây ra tai nạn nên không có căn cứ để xử lý.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn Th và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho bị hại Phạm Như L tổng số tiền 308.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận về bồi thường thiệt hại lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 03/9/2020;

Lỗi gây ra tai nạn hoàn toàn thuộc về bị cáo, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi hoàn theo yêu cầu của Bảo hiểm xã hội Bộ Q. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; điểm a khoản 1 Điều 590 BLDS và tinh thần Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, HĐXX buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi hoàn theo yêu cầu của Bảo hiểm xã hội Bộ Q chi phí cấp cứu, điều trị đã thanh toán cho bị hại Phạm Như L tại các bệnh viện với tổng số tiền là 116.310.541 đồng.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vũ Thị N không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi hoàn đối với số tiền đã bỏ ra bồi thường cho bị hại Phạm Như L nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu trắng, số Seri: 6add2fe, số IMEI1: 866346031205875, số IMEI2: 866346031205867 của bị cáo Đào Văn Ng là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội theo Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc, số Seri: DNQP9T8CG5MC, số IMEI: 358371069449927 theo Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 12/8/2020 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Th chiếc điện thoại trên để bảo đảm thi hành án;

Ghi nhận Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 đã trả lại cho đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Như L 01 xe mô tô BKS 20L5-3002; trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th 01 xe ô tô BKS 20B-014.65 và 01 camera giám sát hành trình đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.815.527 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của tổng số tiền mà bị cáo phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng ($116.310.541 \text{ đồng} \times 5\% = 5.815.527 \text{ đồng}$); các bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” bị cáo Phạm Tùng Đ và Đào Văn Ng phạm tội “Khai báo gian dối”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn Th 30** (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60** (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 06/01/2021) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người bị kết án được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 382; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 36 BLHS xử phạt các bị cáo: **Phạm Tùng Đ 12** (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo **Đào Văn Ng 09** (chín) tháng cải tạo không giam giữ và thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo Đào Văn Ng được trừ đi 21 (hai mươi một) ngày bị tạm giam (từ hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020 đến 15 giờ 20 phút ngày 01/9/2020), cứ 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ ($21 \times 3 = 63$ ngày);

Giao bị cáo Phạm Tùng Đ cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ;

Giao bị cáo Đào Văn Ng cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ;

Khấu trừ 15% thu nhập mỗi tháng đối với bị cáo Phạm Tùng Đ, 10% thu nhập mỗi tháng đối với bị cáo Đào Văn Ng để sung quỹ nhà nước. Thời gian khấu trừ thu nhập kể từ ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cho đến khi chấp hành xong hình phạt.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn Th và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận và bồi thường xong về thiệt hại cho bị hại Phạm Như L tổng số tiền 308.000.000 (ba trăm linh tám triệu) đồng theo biên bản thỏa thuận về bồi thường thiệt hại lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 03/9/2020;

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; điểm a khoản 1 Điều 590 BLDS buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Q chi phí cấp cứu, điều trị tại các bệnh viện đã được Bảo hiểm xã hội Bộ Q thanh toán cho bị hại Phạm Như L tổng số tiền 116.310.541 (một trăm mười sáu triệu ba trăm mười nghìn năm trăm bốn mươi một) đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu trắng của bị cáo Đào Văn Ng là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội theo Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2020;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Th 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu bạc theo Biên bản bắt bị can để tạm giam do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 3 - Quân khu 1 lập hồi 08 giờ 10 phút ngày 12/8/2020 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn Th chiếc điện thoại trên để bảo đảm thi hành án.

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 5.815.527 (năm triệu tám trăm mười lăm nghìn năm trăm hai mươi bảy) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; các bị cáo Phạm Tùng Đ, Đào Văn Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/01/2021) các bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qly. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV12;
- PTHAQK1;
- CQĐTHSKV3-QK1;
- CQTHAHS CA TP Sông Công;
- CQTHAHS CA thị xã Phổ Yên (02b);
- UBND xã Phúc Thuận;
- UBND phường Bắc Sơn;
- UBND phường Phổ Cò;
- Các bị cáo (03b);
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có QL, NV LQĐVA (02b);
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; K21b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

4/ Nguyễn Trung Kiên